

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HỆN Đ
TỈNH G**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 06/2025/HNGĐ-ST
Ngày 31/3/2025
“V/v Tranh chấp ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HỆN Đ, TỈNH G

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Trần Đăng Anh Việt.
- *Các Hội thẩm nhân dân:* Ông Phạm Văn Miên và bà Lê Thị Cần.
- *Thư ký phiên tòa:* Bà Đoàn Thị Minh Chinh - Thư ký Tòa án nhân dân Huyện Đ.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Huyện Đ tham gia phiên tòa:*** Ông Bùi Ngọc Trung - Kiểm sát viên.

Trong ngày 31 tháng 3 năm 2025, tại Hội trường xét xử Tòa án nhân dân Huyện Đ, tỉnh G tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 175/2024/TLST-HNGĐ ngày 05/11/2024 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 06/2025/QĐST-HNGĐ ngày 10/3/2025 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Đoàn Thị T, sinh năm 1993; địa chỉ: Thôn Đoàn Kết, xã Ia Dok, Huyện Đ, tỉnh G.

Vắng mặt tại phiên tòa. Có đơn xin xét xử vắng mặt.

- Bị đơn: Anh Quách Đức H, sinh năm 1990; địa chỉ: Tổ dân phố 3, thị trấn Chư Ty, Huyện Đ, tỉnh G.

Vắng mặt tại phiên tòa. Có đơn xin xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện, bản tự khai và các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, nguyên đơn chị Đoàn Thị T trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị Đoàn Thị T và anh Quách Đức H có trải qua thời gian tìm hiểu, sau đó tự nguyện đăng ký kết hôn tại UBND xã Ia Dok, Huyện Đ, tỉnh G vào ngày 23/01/2019.

Sau khi kết hôn, chị T và anh H chung sống hạnh phúc tới khoảng 03 năm trở lại đây thì phát sinh mâu thuẫn do bất đồng về quan điểm sống, vợ chồng thường xuyên xảy ra cãi vã, vợ chồng không còn tôn trọng lẫn nhau. Cuộc sống chung vô

cùng căng thẳng, nặng nề, không có hạnh phúc. Chị T và anh H đã sống ly thân khoảng 03 năm nay. Nhận thấy mâu thuẫn vợ chồng đã thực sự trầm trọng không còn khả năng hàn gắn để tiếp tục chung sống, vợ chồng không còn tình cảm, không quan tâm tới nhau nên chị T đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh H.

Về con chung, tài sản chung, nợ chung: Chị T và anh H không có con chung, tài sản chung, nợ chung nên chị T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*** Tại bản tự khai, các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, bị đơn, anh Quách Đức H trình bày:**

Về quan hệ hôn nhân: Anh Quách Đức H và chị Đoàn Thị T có trải qua thời gian tìm hiểu, sau đó tự nguyện đăng ký kết hôn tại UBND xã Ia Dơk, Hện Đ, tỉnh G vào ngày 23/01/2019.

Trong thời gian chung sống, giữa anh H và chị T phát sinh nhiều mâu thuẫn do bất đồng về quan điểm sống, về làm ăn kinh tế, vợ chồng thường xảy ra cãi vã, bất hòa, cuộc sống vợ chồng không hòa thuận, không có hạnh phúc. Anh H và chị T đã sống ly thân khoảng 03 năm nay. Nhận thấy mâu thuẫn vợ chồng đã thực sự trầm trọng không còn khả năng hàn gắn để tiếp tục chung sống, tình cảm vợ chồng không còn. Chị T có đơn xin ly hôn, anh H nhất trí.

Về con chung, tài sản chung, nợ chung: Chị T và anh H không có con chung, tài sản chung, nợ chung nên anh H không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*** Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân Hện Đ:**

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử là đảm bảo theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng dân sự: Nguyên đơn, bị đơn đã chấp hành đầy đủ các quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

Ý kiến về việc giải quyết vụ án:

Về hôn nhân: Hôn nhân giữa chị Đoàn Thị T và anh Quách Đức H là hợp pháp. Quá trình chung sống với nhau được một thời gian thì giữa chị T và anh H phát sinh mâu thuẫn. Nhận thấy mâu thuẫn vợ chồng đã thực sự trầm trọng, vợ chồng không còn tình cảm, nên chị T đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh H và anh H cũng nhất trí ly hôn với chị T. Do đó đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị T.

Về con chung, tài sản chung, nợ chung: Chị T và anh H không có con chung, tài sản chung, nợ chung, chị T và anh H không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đề nghị Hội đồng xét xử xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Chị Đoàn Thị T khởi kiện yêu cầu ly hôn với anh Quách Đức H có địa chỉ tại tổ dân phố 3, thị trấn Chư Ty, Hện Đ, tỉnh G. Vì vậy đây là vụ án “Tranh chấp ly hôn” thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Hện Đ, tỉnh G theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm b khoản 1 Điều 39 của Bộ Luật tố tụng Dân sự.

Quá trình giải quyết vụ án, chị Đoàn Thị T và anh Quách Đức H có đơn xin xét xử vắng mặt, do đó Hội đồng xét xử xét xử vắng mặt nguyên đơn, bị đơn theo quy định tại khoản 1 Điều 227; khoản 1 Điều 228 của Bộ Luật tố tụng Dân sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Đoàn Thị T và anh Quách Đức H trải qua thời gian tìm hiểu, tiến tới hôn nhân và tự nguyện đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Ia Dơk, Hện Đ, tỉnh G. Vì vậy, hôn nhân giữa chị T và anh H là hợp pháp theo đúng quy định của Luật Hôn nhân và Gia đình.

Quá trình chung sống với anh H, nhận thấy mâu thuẫn phát sinh trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, vợ chồng không còn tình cảm với nhau nên chị T khởi kiện yêu cầu xin ly hôn với anh H. Anh H cũng thừa nhận mâu thuẫn giữa vợ chồng đã thực sự trầm trọng, vợ chồng không còn yêu T nhau và nhất trí ly hôn với chị T. Vì vậy, Hội đồng xét xử có cơ sở để khẳng định mâu thuẫn giữa chị T và anh H đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Do đó, căn cứ khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình cần chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị T.

[3] Về con chung, tài sản chung, nợ chung: Chị T và anh H không có con chung, tài sản chung, nợ chung, chị T và anh H đều không yêu cầu Tòa án giải quyết. Vì vậy, Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] Về án phí: Chị Đoàn Thị T là nguyên đơn nên phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ:

- Khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm b khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; khoản 1 Điều 227; khoản 1 Điều 228 của Bộ Luật tố tụng Dân sự;
- Các Điều 9, 19, 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình;
- Khoản 5, 6 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 về án phí, lệ phí Tòa án của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Đoàn Thị T.

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Đoàn Thị T được ly hôn với anh Quách Đức H.

2. Về án phí:

Buộc chị Đoàn Thị T phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm không có giá ngạch về ly hôn để sung quỹ nhà nước, được khấu trừ 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí mà chị T đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0007906, ngày 04/11/2024 của Chi cục thi hành án dân sự Hện Đ, tỉnh G. Chị T đã nộp đủ án phí.

Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của Bộ Luật tố tụng Dân sự để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh G xét xử phúc thẩm.

Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh G;
- VKSND Hện Đ;
- Các đương sự;
- UBND xã Ia Dơk;
- Chi cục THADS Hện Đ;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Đặng Anh Việt